

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2020/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 132/2020/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B1, tỉnh Q.

2/ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã B1, huyện B2, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T, chị K qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau một thời gian thì quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1, tỉnh Q vào ngày 28/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhiều lý do về kinh tế, về cách sống dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát nhau. Đến năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn không thể sống chung được nên chị K dẫn con Nguyễn Anh K về quê chị ở B sinh sống cho đến nay, còn anh T nuôi cháu Nguyễn Kỳ A. Thời gian sống ly thân đã lâu mà vợ chồng không thể hàn gắn được mặc dù hai bên gia đình đã động viên và hai bên xác định cho đến nay anh, chị không còn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị K mâu

thuần đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị K thống nhất có hai chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Kỳ A, sinh ngày 07/4/2015. Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị K thỏa thuận giao con Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2009 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Kỳ A, sinh ngày 07/4/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng

[3] *Về tài sản chung*: Anh T, chị K xác định không có.

[4] *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh T, chị K xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị K thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: : Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị K thống nhất có hai chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Kỳ A, sinh ngày 07/4/2015. Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2009 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Kỳ A, sinh ngày 07/4/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị K không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. *Về tài sản chung*: Anh T và chị K xác định không có.

1.4. *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh T và chị K xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

1.5. *Về lệ phí Tòa án*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh T, chị K đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000788, ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Q.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Quang Toại